

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 74/2025/HS-ST

Ngày: 18-6- 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Hào

Ông Vũ Viết Thiệu

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu Hương - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở, Toà án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 42/2025/TLST-HS ngày 23 tháng 5 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2025/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 6 năm 2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phạm Văn K**; Sinh năm: 1982; Giới tính: Nam; HKTT: Số F ngõ G phố L, tổ dân phố H, phường V, quận H, thành phố Hà Nội; Chỗ ở hiện tại: B, khu N, phường V, quận H, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Giám đốc Công ty cổ phần T5; Con ông: Phạm Văn T, sinh năm 1957; Con bà: Bùi Thị T1, sinh năm 1959; Gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ hai; Vợ là Trần Thị T2, sinh năm 1987. Có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2011 và con nhỏ nhất sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo Phạm Văn K bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 21/01/2025 đến nay. (Có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Đội thuế quận H

Địa chỉ: A T, phường H, quận H, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức T3 - Đội trưởng (có đơn xin vắng mặt)

Người làm chứng: (đều vắng mặt)

- Trần Quốc L;
- Nguyễn Thị T4;
- Chị Phạm Thị Kim D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Văn K là Chủ tịch hội đồng quản trị kiêm Giám đốc - người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần T5 (sau đây gọi tắt là Công ty T5) theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố H (nay là Sở Tài chính thành phố H) cấp lần đầu ngày 15/4/2010 (mã số thuế số 0104588964) có trụ sở tại số F ngõ G, phố L, tổ dân phố H, phường V, quận H, thành phố Hà Nội với ngành nghề kinh doanh chính là xây dựng. Mặc dù tại Công ty T5, ngoài Phạm Văn K còn có 02 cổ đông nữa là anh Phạm Văn Â (em ruột của K), sinh năm 1984, trú tại số F ngõ G, phố L, tổ dân phố H, phường V, quận H, thành phố Hà Nội và chị Trần Thị T2 (vợ của K), sinh năm 1987, trú tại BTT09 G, khu N V, phường V, quận H, thành phố Hà Nội nhưng trên thực tế mọi hoạt động kinh doanh của công ty đều do K là người trực tiếp quản lý, chỉ đạo, điều hành.

Quá trình điều hành hoạt động kinh doanh Công ty T5, Phạm Văn K đã tìm mua trái phép hóa đơn GTGT để hạch toán, hợp thức chi phí hàng hóa, dịch vụ đầu vào cho Công ty T5. Thông qua các mối quan hệ xã hội, K đã liên hệ nhờ Nguyễn Thị T4, sinh năm 1985, trú tại Phòng 2204B, tòa F, ngõ E đường L, phường M, quận N, thành phố Hà Nội tìm mua giúp hóa đơn GTGT bất hợp pháp. Sau đó, Nguyễn Thị T4 đã liên hệ với Trần Quốc L, sinh năm 1980, trú tại xóm F, xã T, huyện X tỉnh Nam Định là Giám đốc – Người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần T6 (sau đây gọi tắt là Công ty T6) để mua trái phép hóa đơn GTGT cho Công ty T5 do Phạm Văn K làm Giám đốc. Theo đó, từ tháng 3/2022 đến tháng 12/2023, T4 đã mua trái phép 27 số hóa đơn GTGT đã ghi nội dung nhưng không có hàng hóa dịch vụ đi kèm của Công ty T6 xuất cho Công ty T5 với tổng giá trị tiền hàng trước thuế ghi trên hóa đơn là 3.513.823.920 đồng, tổng tiền thuế GTGT là 312.270.805 đồng, tổng tiền thanh toán là 3.826.094.725 đồng. Gồm các số hóa đơn:

STT	Số hóa đơn GTGT	Ngày	Tiền hàng chưa thuế (đơn vị: đồng)	Thuế GTGT (đơn vị: đồng)	Tổng thanh toán (đơn vị: đồng)	Hàng hóa, dịch vụ
-----	-----------------	------	---------------------------------------	-----------------------------	--------------------------------	-------------------

1	0000492	02/03/2022	342.544.080	27.403.526	369.947.606	cửa CT
2	0000493	06/03/2022	310.048.560	24.803.885	334.852.445	cửa CT
3	0000495	08/03/2022	125.949.000	12.594.900	138.543.900	thanh viên tường...
4	0000498	09/03/2022	70.597.880	5.647.830	76.245.710	gỗ chèn...
5	00000043	11/08/2022	139.849.600	13.984.960	153.834.560	đá, gạch
6	00000055	28/08/2022	32.000.000	2.560.000	34.560.000	gỗ
7	00000069	22/09/2022	79.061.000	6.324.880	85.385.880	vách gỗ
8	00000086	06/10/2022	25.500.000	2.040.000	27.540.000	gỗ xd
9	00000092	15/11/2022	69.400.000	5.552.000	74.952.000	bàn làm việc
10	00000126	21/12/2022	387.000.000	30.960.000	417.960.000	nhân công, vật tư
11	00000127	21/12/2022	16.000.000	1.280.000	17.280.000	gỗ ván
12	00000131	22/12/2022	183.000.000	14.640.000	197.640.000	HĐ 1511 nhân công
13	00000132	22/12/2022	89.000.000	7.120.000	96.120.000	HĐ 1511 nhân công
14	00000171	31/12/2022	18.000.000	1.440.000	19.440.000	gỗ ván
15	00000009	12/01/2023	98.000.000	7.840.000	105.840.000	thi công, công trình
16	00000008	12/01/2023	18.000.000	1.800.000	19.800.000	gỗ
17	00000010	12/01/2023	165.000.000	16.500.000	181.500.000	thi công, công trình
18	00000040	31/03/2023	500.000.000	50.000.000	550.000.000	thi công, công trình

19	00000041	31/03/2023	123.500.000	12.350.000	135.850.000	thi công, công trình
20	00000057	13/05/2023	-	1.960.000	1.960.000	điều chỉnh sai sót
21	00000094	30/06/2023	24.000.000	2.400.000	26.400.000	gỗ các loại
22	00000095	10/07/2023	168.828.000	16.882.800	185.710.800	tôn các loại
23	00000099	13/07/2023	210.299.200	16.823.936	227.123.136	cho thuê máy
24	00000112	10/08/2023	63.128.600	5.050.288	68.178.888	gỗ
25	00000121	30/08/2023	195.118.000	19.511.800	214.629.800	tôn
26	00000128	29/09/2023	18.000.000	1.440.000	19.440.000	gỗ các loại
27	00000163	11/12/2023	42.000.000	3.360.000	45.360.000	gỗ
Tổng cộng			3.513.823.920	312.270.805	3.826.094.725	

Thu mua hóa đơn của L với giá 5,5% tổng giá trị tiền hàng trước thuế ghi trên mỗi số hóa đơn. Sau đó, T4 bán lại hóa đơn cho K với giá dao động từ 8% đến 10,5% tổng giá trị tiền hàng trước thuế ghi trên mỗi số hóa đơn tùy theo từng loại hàng hóa, dịch vụ và từng thời điểm. Sau khi thỏa thuận mua trái phép hóa đơn, K cung cấp cho T4 các thông tin của Công ty T5 như tên, địa chỉ, mã số thuế, loại hàng hóa dịch vụ, số lượng và giá trị tiền hàng ghi trên mỗi số hóa đơn để T4 chuyển lại cho L xuất hóa đơn của Công ty T6 cho phù hợp. Để hợp thức hóa việc mua bán trái phép hóa đơn, T4 giúp K soạn thảo không các Hợp đồng kinh tế, Biên bản nghiệm thu khối lượng, Biên bản giao hàng,... mỗi tài liệu thành 02 bản. Sau đó, T4 chuyển cho K và Lý ký, đóng dấu của Công ty T5 và Công ty T6. Kỳ đã ký tên mình với vai trò là Giám đốc – Đại diện Công ty T5 đồng thời tự ký tên “Phạm Văn Ân” với vai trò là nhân viên Công ty T5 tại các Biên bản giao hàng, Biên bản nghiệm thu. Sau khi đã hoàn thiện, K và L mỗi bên giữ 01 bản lưu hồ sơ. Bên cạnh đó, để hợp thức hóa chứng từ ngân hàng thanh toán 27 số hóa đơn GTGT như mua bán hàng hóa thật, K sử dụng tài khoản ngân hàng A số 612661668 của Công ty T5 để chuyển tiền đến tài khoản ngân hàng A1 số 3205999369999 và tài khoản ngân hàng V số 119002619998 đều của Công ty T6. L và Thu tự khấu trừ và giữ lại tiền bán hóa đơn GTGT như đã thỏa thuận rồi sử dụng tài khoản ngân hàng của cá nhân để chuyển trả số tiền còn lại đến tài khoản ngân hàng V số 105838299999 của cá nhân

K hoặc có khi T4 trả lại K bằng tiền mặt. Số tiền K đã trả cho T4 để mua trái phép 27 số hóa đơn GTGT của Công ty T6 là 324.412.858 đồng.

Sau khi mua trái phép hóa đơn GTGT của Công ty T6, K đã chỉ đạo kế toán dịch vụ là chị Phạm Thị K1, sinh năm 1990, trú tại thôn T, xã L, huyện T, thành phố Hà Nội sử dụng 27 số hóa đơn GTGT trên để khai, khấu trừ thuế GTGT hàng hóa, dịch vụ đầu vào và quyết toán thuế cho Công ty T5 trong các kỳ kê khai thuế năm 2022, 2023 mà không nói cho K1 biết việc mua trái phép hóa đơn GTGT của mình.

Cơ quan điều tra đã ra Quyết định trưng cầu Cục Thuế tỉnh N giám định thiệt hại về thuế đối với hành vi sử dụng 27 số hóa đơn GTGT bất hợp pháp để kê khai, khấu trừ thuế nêu trên Công ty T5. Tại bản Kết luận giám định ngày 17/3/2025, Chi cục Thuế khu vực I (Cục Thuế tỉnh N trước sắp xếp) kết luận: Công ty T5 do Phạm Văn K trực tiếp quản lý, điều hành đã sử dụng 27 hóa đơn GTGT mua vào không của Công ty T6 để kê khai thuế là hành vi trốn thuế, với số tiền trốn thuế GTGT là 312.270.805 đồng. Quá trình điều tra, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, K đã tự nguyện nộp tờ khai thuế GTGT bổ sung, điều chỉnh giảm số thuế GTGT được khấu trừ đối với 27 số hóa đơn GTGT bất hợp pháp và hoàn thành nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ 27 số hóa đơn GTGT bất hợp pháp của Công ty T6 xuất cho Công ty T5 cùng các hợp đồng kinh tế, tài liệu liên quan đến 27 số hóa đơn GTGT; hồ sơ pháp nhân, tài liệu kê khai, báo cáo thuế, sao kê tài khoản ngân hàng liên quan đến việc mua trái phép hóa đơn của Công ty T5. Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết mang tên Phạm Văn K và Phạm Văn Á trên các Hợp đồng kinh tế, Biên bản giao hàng, Biên bản nghiệm thu đã thu giữ. Tại các bản Kết luận giám định số 478/KL-KTHS ngày 13/3/2025 và số 681/KL-KTHS ngày 28/4/2025 của Phòng K2 Công an tỉnh N đã kết luận: Chữ ký đứng tên Phạm Văn K - Giám đốc Công ty T5 trên các Hợp đồng kinh tế đã thu giữ là do K trực tiếp ký ra; Không giám định chữ ký đứng tên Phạm Văn Á trên các Biên bản giao hàng, Biên bản nghiệm thu so với chữ ký đứng tên Phạm Văn Á trên mẫu so sánh do khác dạng và Không đủ cơ sở kết luận chữ “Phạm Văn Á” trên các Biên bản giao hàng, Biên bản nghiệm thu so với chữ viết của Phạm Văn Á trên mẫu so sánh có phải do cùng một người viết ra hay không.

Tại Cơ quan điều tra, Phạm Văn K đã khai nhận toàn bộ hành vi mua trái phép hóa đơn GTGT để kê khai, khấu trừ thuế từ đó trốn thuế cho Công ty T5 như trên phù hợp với lời khai của Nguyễn Thị T4 và Trần Quốc L. Đồng thời, Phạm Văn K khai nhận các cổ đông còn lại của Công ty T5 là anh Phạm Văn Á và chị Trần Thị T2 đều không biết, không tham gia vào quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty T5 cũng như việc mua trái phép hóa đơn GTGT để trốn thuế của Phạm Văn K.

Cơ quan điều tra đã tiến hành lấy lời khai của anh Phạm Văn Á và chị Trần Thị T2 kết quả hoàn toàn phù hợp với lời khai của Phạm Văn K

* Bản cáo trạng số 52/CT-VKSND-P3 ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định truy tố Phạm Văn K về tội “Trốn thuế” theo điểm b khoản 2 Điều 200 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017

** Tại phiên tòa:*

- Bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản Cáo trạng đã truy tố. Trong quá trình điều tra bị cáo không bị bức cung, nhục hình; bị cáo thừa nhận Cáo trạng truy tố đối với bị cáo như vậy là đúng người, đúng tội, không oan; bị cáo rất ăn năn, hối hận về hành vi phạm tội của mình và mong Hội đồng xét xử khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định luận tội: Giữ nguyên nội dung cáo trạng và quyết định đã truy tố đối với Phạm Văn K. Sau khi xem xét đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định đề nghị Hội đồng xét xử tuyên Phạm Văn K phạm tội “Trốn thuế”; Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 200; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 BLHS. Xử phạt Phạm Văn K từ 500 triệu đến 600 triệu đồng. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được cơ quan điều tra thu thập. Căn cứ lời khai nhận của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa; lời khai của người làm chứng; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đủ căn cứ kết luận:

Trong khoảng thời gian từ tháng 3/2022 đến tháng 12/2023, thông qua Nguyễn Thị T4, Phạm Văn K - Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty T5 đã mua trái phép 27 số hóa đơn GTGT đã ghi nội dung nhưng không có hàng hóa dịch vụ đi kèm của Công ty T6 xuất cho Công ty T5 với tổng giá trị tiền hàng trước thuế

ghi trên hóa đơn là 3.513.823.920 đồng, tổng tiền thuế GTGT là 312.270.805 đồng, tổng tiền thanh toán là 3.826.094.725 đồng để kê khai, khấu trừ thuế cho Công ty T5 từ đó trốn thuế GTGT với số tiền thuế trốn là 312.270.805 đồng. Hành vi của Phạm Văn K đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trốn thuế" theo điểm b khoản 2 Điều 200 BLHS.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[3.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Phạm Văn K không phải chịu tình tiết tăng nặng nào theo quy định tại Điều 52 BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đều khai báo thành khẩn, thể hiện sự ăn năn hối hận với hành vi phạm tội của mình; bị cáo cũng đã tự nguyện liên hệ với cơ quan thuế để kê khai lại và tự nguyện nộp toàn bộ số tiền đã trốn thuế; đây là lần bị cáo phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 BLHS.

[4] Đánh giá tính chất, mức độ hành vi; các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Bị cáo Phạm Văn K đã có hành vi dùng 27 hóa đơn mua của Trần Quốc L để thực hiện việc kê khai nhằm trốn thuế với tổng số tiền là 312.270.805 đồng đã xâm phạm đến hoạt động quản lý thuế của Nhà nước. Tuy nhiên, sau khi làm việc với Cơ quan điều tra hiểu rõ về hậu quả của hành vi vi phạm pháp luật của mình gây ra, bị cáo K đã chủ động đến Cơ quan thuế để kê khai lại thuế và nộp lại vào Ngân sách Nhà nước toàn bộ số tiền bị cáo đã trốn thuế. Đây là lần đầu bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS và có nhân thân tốt nên Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tiền cũng đủ sức răn đe, giáo dục đối với bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[6] Về biện pháp tư pháp: Bị cáo Phạm Văn K đã chủ động đến cơ quan thuế để kê khai và nộp lại số tiền thuế đã trốn nên không truy thu của bị cáo số tiền bị cáo đã trốn thuế.

[7] Các tình tiết khác trong vụ án:

Đối với các cổ đông của Công ty T5 là anh Phạm Văn A và chị Trần Thị T2, tài liệu điều tra xác định chỉ đứng tên cho đủ thủ tục thành lập công ty, không tham gia vào quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty T5 và chị Phạm Thị Kim D – Kế toán thời vụ của Công ty T5 chỉ tập hợp hóa đơn, chứng từ để kê khai, quyết toán thuế theo chỉ đạo của Phạm Văn K mà không biết các hóa đơn GTGT đã kê

khai là không hợp pháp đồng thời đều không biết và không liên quan đến hành vi mua trái phép hóa đơn GTGT để trốn thuế của K nên Cơ quan điều tra đều không xem xét xử lý.

Hành vi bán hóa đơn cho Phạm Văn K của Trần Quốc L và Nguyễn Thị T4 đã được Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử trong vụ án khác nên không xem xét trong vụ án này

[8] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của BLTTHS và các điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Văn K phạm tội “Trốn thuế”.

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 200; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 BLHS;

Phạt tiền bị cáo Phạm Văn K 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng) sung Ngân sách Nhà nước

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của BLTTHS và các điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Phạm Văn K phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Báo bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao;
- CA; VKS tỉnh Nam Định;
- Cục THADS tỉnh Nam Định;
- Bị cáo;
- Người TGGT khác;
- Lưu hồ sơ; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Anh Dũng

